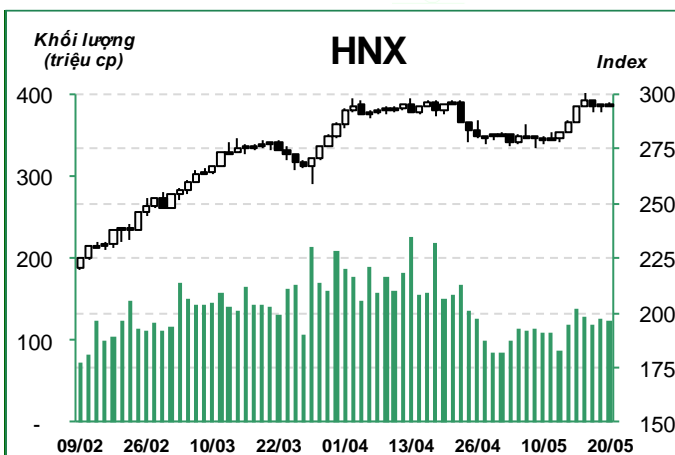
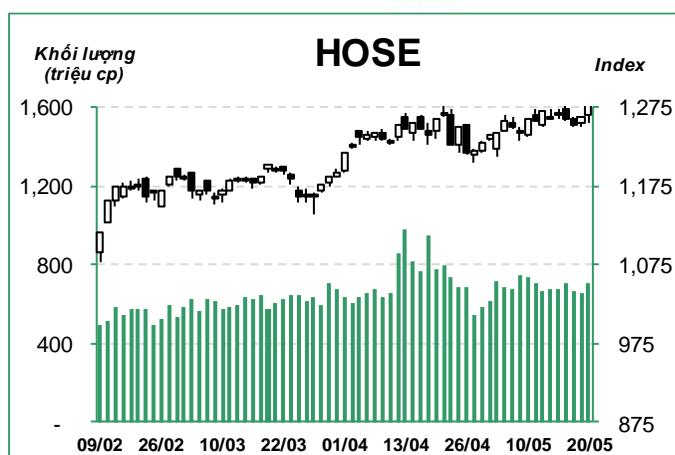


## Tổng quan thị trường

20/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,278.22</b>	<b>1.25%</b>	<b>1,424.92</b>	<b>1.66%</b>	<b>295.10</b>	<b>-0.05%</b>
Cuối tuần trước	1,266.36	0.94%	1,380.02	3.25%	294.72	0.13%
Trung bình 20 ngày	1,250.62	2.21%	1,343.96	6.02%	285.33	3.43%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>745.21</b>	<b>7.32%</b>	<b>289.03</b>	<b>-3.16%</b>	<b>128.97</b>	<b>-1.43%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>706.19</b>	<b>8.49%</b>	<b>270.20</b>	<b>-3.38%</b>	<b>124.98</b>	<b>-1.65%</b>
Trung bình 20 ngày	672.87	4.95%	252.24	7.12%	112.27	11.32%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>22,728.33</b>	<b>5.25%</b>	<b>13,603.47</b>	<b>-1.01%</b>	<b>2,625.43</b>	<b>-9.93%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>21,056.95</b>	<b>5.26%</b>	<b>12,727.02</b>	<b>-2.41%</b>	<b>2,555.41</b>	<b>-9.32%</b>
Trung bình 20 ngày	19,010.52	10.76%	11,460.58	11.05%	2,244.05	13.87%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	163	36%	23	77%	80	22%
<b>Số mã giảm</b>	252	55%	6	20%	130	35%
<b>Số mã đứng giá</b>	41	9%	1	3%	158	43%



Tưởng chừng như sẽ là một phiên giao dịch không có nhiều biến động trong ngày đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 5 khi mà các chỉ số chính vẫn giao dịch giằng co trong phần lớn thời gian giao dịch. Lực cầu mạnh bất ngờ xuất hiện vào cuối phiên với hàng loạt các cổ phiếu trụ được kéo lên mức cao nhất trong ngày giúp củng cố đà tăng cho thị trường mặc cho tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng vẫn diễn ra”.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index lập đỉnh lịch sử mới tại mức 1,278.22 điểm (+1.25%). KLGĐ khớp lệnh đạt 706.2 triệu cổ phiếu (+8.5%), tương đương 21,057 tỷ đồng giá trị (+5.3%). Tuy nhiên, với việc dòng tiền chỉ tập trung kéo trụ, độ rộng thị trường có phần nhỉnh hơn của bên bán với 252 mã giảm/163 mã tăng.

Đà tăng của VN-Index được củng cố bởi sự khởi sắc của các cổ phiếu Bluechips. Đặc biệt là nhiều cổ phiếu trong rổ VN30 ghi nhận mức tăng rất ấn tượng như Vietcombank-VCB (+5.2%), Masan-MSN (+5.2%), Thẻ giới di động-MWG (+5.9%), FPT-FPT (+5.2%), Chứng khoán SSI-SSI (+6.9%). Trong khi đó, ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ hơn, chỉ có nhóm chứng khoán còn giữ được sắc xanh đồng thuận. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ các cổ phiếu như Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-2.6%), VPBank-VPB (-1.0%), PV Gas-GAS (-1.0%), Vietnam Airline-HVN (-3.0%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với giá trị 558.4 tỷ đồng (+83.3%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Nhà Khang Điền-KDH (-282.6 tỷ), VPBank-VPB (-119.3 tỷ), Novaland-NVL (-92.5 tỷ). Trái lại, Hòa Phát-HPG (+115.0 tỷ), Vinhomes-VHM (+36.5 tỷ),

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
KDH	8,100.0	291.82
HPG	4,605.0	284.53
FMC	5,962.7	179.77
VPB	1,000.0	67.50
FPT	601.7	58.43
FUEVFN D	1,800.0	42.25
STB	1,331.6	36.17
REE	571.4	33.60
GMD	873.1	31.39
GEX	1,150.0	28.75
<b>HNX</b>		
VIT	960.0	18.72
DDG	397.3	13.35
VC3	575.0	11.79
THS	200.7	8.49
DNP	285.5	6.00
SHN	713.3	5.22
CET	721.5	3.75
TNG	50.0	1.08
GLT	35.4	0.96
IDV	6.0	0.38

Masan-MSN (+32.0 tỷ) bắt đầu được khối ngoại gom mua trở lại trong vài phiên gần đây sau khi bán mạnh trước đó.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index gần như chốt phiên đi ngang tại mức 295.10 điểm (-0.05%). KLGĐ khớp lệnh đạt 125.0 triệu cổ phiếu (-1.6%), tương đương 2,555.4 tỷ đồng giá trị (-9.3%).

Trái ngược với sàn HoSE, các cổ phiếu trụ cột trên sàn HNX lại có diễn biến phân hóa mạnh. Trong đó, các cổ phiếu gây áp lực chính cho chỉ số là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.4%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.3%), Idico-IDC (-1.4%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.8%). Ở chiều ngược lại, nhóm chứng khoán đóng vai trò trụ đỡ chính với hàng loạt các cổ phiếu tăng giá mạnh như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.7%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+4.0%), Chứng khoán MB-MBS (+6.5%), Chứng khoán BIDV-BSI (+9.4%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trở lại trên sàn HNX hôm nay với giá trị mua ròng đạt 50.1 tỷ đồng. Tuy nhiên, động thái mua ròng này phần lớn là gom mua đối với cổ phiếu Thaiholdings-THD (+66.8 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán VNDIRECT-VND (-15.3 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.6 tỷ) và IDJ Financial-IDJ (-0.7 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng tăng điểm của chỉ số đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với đường +DI nở rộng khoản cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố đà tăng hiện tại. Thêm vào đó, đường MACD có dấu hiệu cắt trở lại Signal và RSI hướng lên vùng 61, cho thấy chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách kháng cự gần quanh 1,280-1,285 điểm (đỉnh cũ) và xa hơn là vùng tâm lý 1,300 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều, khi có phiên giảm điểm nhẹ trở lại. Mặc dù vậy, chỉ số vẫn giữ đóng cửa trên MA20, cùng với chòm MA5, 10, 20 tạo trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn, phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính kỹ thuật, chỉ số có thể sớm quay trở lại và hướng lên thử thách vùng tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng tăng. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GMC	31.4	6.9	7.0%
CLW	31.4	2.0	7.0%
FIT	11.5	10,540.0	7.0%
DCL	33.8	1,033.1	7.0%
SSI	38.5	28,128.9	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	32.0	16.8	-7.0%
VID	10.0	12.8	-6.9%
LSS	10.1	1,297.6	-6.9%
DXV	5.4	75.0	-6.9%
OPC	65.2	0.5	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.8	2,342.1	-1.0%
HPG	66.6	1,710.1	0.8%
STB	29.4	1,699.0	3.2%
SSI	38.5	1,061.9	6.9%
CTG	48.9	694.9	1.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	29.4	58,599.7	3.2%
VPB	66.8	35,350.7	-1.0%
ROS	6.8	31,413.3	-6.3%
SSI	38.5	28,128.9	6.9%
HPG	66.6	26,157.1	0.8%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GMA	52.4	6.3	9.9%
THS	51.5	203.9	9.8%
TKU	21.4	6.2	9.7%
NBW	20.3	0.1	9.7%
LDP	11.3	35.5	9.7%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SD4	4.6	29.9	-9.8%
CMC	5.6	0.8	-9.7%
VLA	11.3	0.4	-9.6%
PRC	12.5	1.1	-9.4%
V21	5.1	17.2	-8.9%

#### Top 5 giá trị

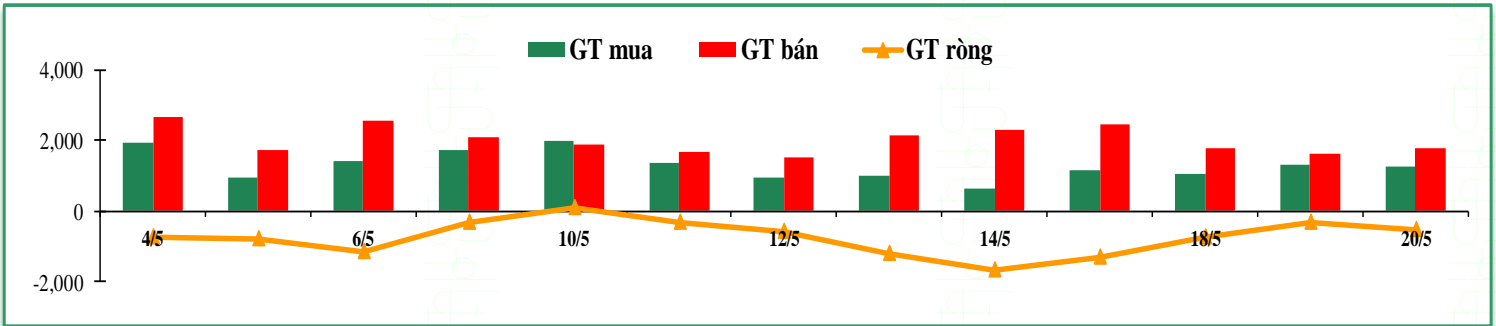
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	33.2	527.0	5.7%
SHB	29.0	427.4	-1.4%
THD	193.6	297.1	0.4%
VND	44.5	185.5	4.0%
PVS	20.8	161.3	-2.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHS	33.2	16,095.4	5.7%
SHB	29.0	14,644.1	-1.4%
HUT	6.5	10,423.6	3.2%
PVS	20.8	7,788.5	-2.3%
KLF	5.1	7,346.4	-5.6%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,212.5	5.3%	1,770.8	7.8%	-558.4
HNX	73.0	2.8%	22.9	0.9%	50.1
<b>Tổng số</b>	<b>1,285.4</b>		<b>1,793.7</b>		<b>-508.3</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	66.6	198.1	0.8%
VHM	102.0	81.7	1.6%
VPB	66.8	66.2	-1.0%
MSN	113.6	63.3	5.2%
CTG	48.9	62.7	1.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
KDH	36.5	300.5	2.0%
VPB	66.8	185.5	-1.0%
NVL	141.0	94.5	-0.7%
VNM	88.0	87.7	0.6%
VIC	122.9	85.0	2.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	66.6	115.0	0.8%
VHM	102.0	36.5	1.6%
MSN	113.6	32.0	5.2%
SSI	38.5	30.1	6.9%
GMD	38.8	29.9	2.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	193.6	66.8	0.4%
VND	44.5	1.0	4.0%
CEO	9.1	0.6	-3.2%
KLF	5.1	0.5	-5.6%
PVS	20.8	0.5	-2.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	44.5	16.3	4.0%
BVS	22.7	1.6	6.1%
IDJ	14.1	0.7	0.0%
APS	10.8	0.5	9.1%
TNG	19.6	0.4	0.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	193.6	66.8	0.4%
KLF	5.1	0.5	-5.6%
CEO	9.1	0.4	-3.2%
PVS	20.8	0.4	-2.3%
DP3	115.0	0.2	0.0%

## Tin trong nước

### **Nhập siêu 1,9 tỷ USD trong nửa đầu tháng 5/2021**

Theo báo cáo được Tổng cục Hải quan công bố chiều 19/5, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đang chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 khi kim ngạch xuất khẩu tiếp tục chiều hướng giảm, cán cân thương mại nghiêng về hướng nhập siêu.

Cụ thể, 15 ngày đầu tháng 5/2021, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 11,9 tỷ USD giảm 1,93 tỷ USD so với nửa cuối tháng 4/2021. Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/5, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 116,8 tỷ USD.

Trong đó, 4 nhóm hàng chủ lực có kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; dệt may.

Từ chiều ngược lại, tổng kim ngạch nửa đầu tháng 5 đạt 13,8 tỷ USD nhỉnh hơn đôi chút so với con số 13,76 tỷ USD của nửa cuối tháng 4 trước đó. Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/5/2021, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 117,15 tỷ USD.

Nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất trong nửa đầu tháng 5 là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 2,72 tỷ USD. Ngoài ra, còn một nhóm hàng nhập khẩu “tỷ USD” là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt gần 2,1 tỷ USD.

Với mức thâm hụt tới 1,9 tỷ USD trong nửa đầu tháng 5, nên lũy kế từ đầu năm đến 15/5/2021, cán cân thương mại đảo chiều khi nước ta đã nhập siêu 350 triệu USD.

### **Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh, nhà băng chuyển vay mượn lẫn nhau**

Khảo sát của Bloomberg cho thấy lãi suất liên ngân hàng qua đêm đang giao dịch ở mức 1,03%/năm, tăng 34 điểm cơ bản so với cuối tháng trước. Lãi suất các kỳ hạn khác cũng ở quanh mức 1,1%-1,25%/năm, tăng khoảng 20 điểm cơ bản so với cuối tháng 3.

Dự báo lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục tăng dần đến hết tháng 6, thời điểm một lượng thanh khoản lớn đổ vào hệ thống bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) từ việc mua ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng bắt đầu được giao.

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục đà tăng mạnh trong tuần giữa tháng 5 do thanh khoản trong hệ thống đang ít dần.

Tuy nhiên, mức lãi suất hiện tại vẫn thấp hơn lãi suất OMO nên thị trường mở không phát sinh giao dịch nào mới nên các NHTM có thể vay lẫn nhau trên thị trường mà chưa cần đến sự hỗ trợ của NHNN.

Nguồn: Cafef, NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Doanh thu và lợi nhuận PNJ thấp nhất từ đầu năm**

Công ty vàng bạc đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo doanh thu thuần tháng 4 đạt 1.851 tỷ đồng, gấp 3,7 lần cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 85 tỷ đồng, tháng 4/2020 lỗ 102 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đây là mức doanh thu và lợi nhuận thấp nhất ghi nhận theo tháng của PNJ tính từ đầu năm.

Tỷ trọng mảng bán lẻ trong tháng tăng mạnh từ 47,4% lên 61,5%, mảng bán sỉ cũng tăng từ 13,3% lên 17,1% trong khi mảng vàng miếng giảm.

Biên lợi nhuận gộp trong tháng 4 đạt 18,3%, cải thiện so với mức 5,8% cùng kỳ và duy trì tương đương các tháng trước.

Lũy kế 4 tháng, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 9.033 tỷ đồng, tăng 64%; lãi sau thuế 598 tỷ đồng, gần gấp đôi cùng kỳ năm trước. PNJ thực hiện được 43% chỉ tiêu doanh thu và 49% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Trong tháng, PNJ mở thêm 2 cửa hàng PNJ Style và 1 cửa hàng CAO theo mô hình shop in shop. Số lượng cửa hàng tại thời điểm cuối tháng 4 là 340 cửa hàng.

### **Kinh Bắc City (KBC) tiếp tục "hút" 1.000 tỷ trái phiếu trong quý 2/2021**

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (KBC) vừa có Nghị quyết về phương án phát hành trái phiếu với mục tiêu huy động tối đa 1.000 tỷ đồng.

Theo kế hoạch, trong quý 2/2021, KBC sẽ phát hành tối đa 20 triệu trái phiếu theo phương thức phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá phát hành sẽ được quyết định bởi các cấp có thẩm quyền nhưng sẽ không thấp hơn 100.000 đồng/trái phiếu.

Trái phiếu phát hành sẽ có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất cố định 10,5%/năm và trái chủ sẽ được thanh toán lãi vào mỗi 6 tháng hoặc 12 tháng.

Mặt khác, vào ngày 11/5, KBC cũng thông qua việc vay tín chấp hơn 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn tối đa 2 năm để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho công ty con là CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên.

Năm 2021, Kinh Bắc đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 6.600 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2.000 tỷ đồng, lần lượt gấp 3 lần và 6,25 lần thực hiện năm 2020.

Kết thúc quý 1/2021 Công ty báo doanh thu thuần đạt 2.002 tỷ đồng cao gấp hơn 3 lần cùng kỳ, lợi nhuận gộp đạt 1.123 tỷ đồng tăng mạnh so với quý 1/2020, biên lãi gộp tăng mạnh từ 44% lên 56%. LNST thuộc về công ty mẹ là 599 tỷ đồng tương đương EPS đạt 1.276 đồng. Đây cũng là mức lãi cao nhất theo quý trong lịch sử hoạt động của KBC.

Nguồn: Cafef, NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	95.5	81.5	17.2%	108.5	33.1%	78.8	-3.3%	Xu hướng tăng mạnh
2	DGC	Chốt lời	21/05/21	66.9	60.8	10.0%	71.7	17.9%	58.2	-4.3%	Xu hướng yếu đi
3	IJC	Bán	21/05/21	26.1	26.25	-0.6%	32.85	25.1%	24.8	-5.5%	Áp lực điều chỉnh đang mạnh lên

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	AGR	Quan sát mua	21/05/21	11.3	12.6-13	Nền tăng tốt kèm vol cao trở lại sau nhịp điều chỉnh yếu dần -> khả năng có nhịp tăng trở lại
2	BVB	Quan sát mua	21/05/21	15.1	18.5   20	Phiên tăng tốt kèm vol cao trở lại sau ba phiên điều chỉnh ko quá xấu -> khả năng có thể tiếp tục tăng break kháng cự để bắt đầu nhịp tăng mới
3	SCR	Quan sát mua	21/05/21	7.76	9   9.7-10	Nhịp điều chỉnh yếu dần về lại vùng hỗ trợ mạnh tạo bởi đáy cũ và MA200 + nền Spinning xuất hiện -> khả năng sớm tạo đáy và hồi phục trở lại, cần nền tăng đóng cửa > 7.85 để xác nhận

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	95.5	81.5	17.2%	108.5	33.1%	78.8	-3%	Nâng giá mục tiêu lên 108.5 ngàn
2	VSC	Mua	28/04/21	51	49.9	2.2%	55	10.2%	47	-6%	
3	MWG	Mua	04/05/21	150	140.9	6.5%	172	22%	134.6	-4%	
4	STB	Nắm giữ	05/05/21	29.4	24.1	22.0%	30	24%	22.9	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.55	15.5	13.2%	19.3	25%	14.9	-4%	
6	SSI	Mua	13/05/21	38.5	34.8	10.6%	42	21%	33.5	-4%	
7	PVS	Mua	19/05/21	20.8	21.8	-4.6%	24.5	12%	20.5	-6%	
8	VHM	Mua	20/05/21	102	100.4	1.6%	110	10%	96.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 20/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,720	2.8%	238%	48,740	33	95,500	9,119	399	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	7,870	0.6%	425%	17,250	46	95,500	3,534	(4,336)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,800	1.8%	480%	19,170	125	32,000	584	(5,216)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,600	0.5%	682%	40	41	66,600	40,663	(3,937)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	10,500	-3.7%	900%	7,930	125	66,600	5,014	(5,486)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,750	1.0%	351%	8,300	46	66,600	25,711	(4,039)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,730	-1.4%	278%	10,180	47	66,600	12,358	(2,372)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,050	-4.4%	570%	18,700	46	66,600	7,307	(2,743)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,880	-3.2%	429%	22,720	81	66,600	12,400	(3,480)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,100	-3.1%	244%	18,450	99	66,600	8,346	(5,754)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	7,940	-3.3%	511%	56,970	84	66,600	1,531	(6,409)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	8,480	12.2%	607%	46,200	84	66,600	1,515	(6,965)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,200	0.7%	163%	14,640	88	36,500	2,327	(1,873)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	4,200	2.4%	320%	16,010	125	36,500	752	(3,448)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	7,250	3.7%	159%	12,520	85	36,500	2,782	(4,468)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	18,550	0.5%	303%	33,420	25	34,500	18,524	(26)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	9,190	-4.3%	474%	26,370	47	34,500	4,286	(4,904)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,480	7.4%	190%	9,370	84	34,500	114	(3,366)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	5,260	0.2%	401%	28,790	125	113,600	765	(4,495)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	5,140	0.0%	414%	33,210	125	113,600	370	(4,770)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	10,450	4.5%	248%	25,330	85	113,600	4,340	(6,110)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	29,870	5.2%	149%	220	41	150,000	27,116	(2,754)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,790	10.2%	123%	63,500	21	150,000	4,213	423	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	5,000	-1.0%	108%	15,660	47	150,000	3,332	(1,668)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	9,400	1.1%	213%	13,100	74	150,000	6,104	(3,296)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	4,780	-0.4%	152%	12,560	46	150,000	2,185	(2,595)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	11,000	3.7%	358%	14,170	(59)	150,000	(4)	(11,004)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	7,300	2.4%	147%	17,070	99	150,000	2,437	(4,863)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,490	-5.4%	649%	126,460	22	141,000	7,788	298	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	6,000	-4.8%	500%	22,280	125	141,000	4,024	(1,976)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,230	23.3%	194%	530	130	141,000	908	(2,322)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,980	32.7%	262%	117,700	99	73,000	18	(3,962)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	3,980	32.7%	262%	1,940	130	73,000	72	(3,908)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,320	7.4%	95%	35,130	47	99,300	2,173	(1,147)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	6,660	9.2%	233%	33,130	74	99,300	3,930	(2,730)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,500	26.8%	55%	24,170	29	99,300	4,127	(373)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	4,330	10.7%	88%	56,120	47	58,400	2,633	(1,697)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	3,000	-1.6%	173%	6,790	125	19,300	11	(2,989)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	9,080	3.4%	505%	7,440	7	29,400	9,203	123	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	8,640	4.1%	685%	54,650	22	29,400	8,708	68	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	16,800	1.3%	342%	17,160	25	29,400	17,418	618	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	9,020	-4.0%	802%	14,580	125	29,400	3,794	(5,226)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	11,300	5.6%	465%	22,110	15	29,400	11,416	116	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	8,810	-4.2%	529%	52,970	81	29,400	5,743	(3,067)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	12,550	-3.7%	214%	25,980	99	29,400	6,645	(5,905)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	28,500	1.5%	428%	30,350	71	50,200	28,292	(208)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,600	0.4%	372%	11,380	138	50,200	19,451	(4,149)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,690	-2.8%	321%	24,260	47	50,200	7,150	(2,540)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	11,600	-2.4%	300%	36,200	81	50,200	7,434	(4,166)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	10,600	-2.8%	430%	10,070	99	50,200	2,515	(8,085)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,310	-11.5%	44%	55,860	88	21,950	71	(2,239)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,110	-8.5%	211%	7,390	125	21,950	117	(2,993)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	4,000	-4.8%	45%	14,250	85	21,950	59	(3,941)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,310	-5.3%	93%	33,600	84	21,950	0	(2,310)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	2,020	-6.5%	44%	57,090	22	102,000	1,323	(697)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	4,900	-1.8%	345%	17,330	125	102,000	175	(4,725)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	4,400	-0.2%	132%	35,960	47	102,000	1,524	(2,876)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,800	-20.0%	9%	48,510	15	102,000	908	(892)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	4,970	1.0%	211%	31,570	81	102,000	560	(4,410)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	6,000	8.1%	300%	16,340	85	102,000	248	(5,752)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	4,800	-7.9%	269%	27,120	84	102,000	7	(4,793)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2005	1,500	2,600	0.0%	73%	26,690	22	122,900	1,617	(983)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	5,500	6.8%	450%	32,900	125	122,900	193	(5,307)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	3,480	2.4%	93%	17,240	15	122,900	2,299	(1,181)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,250	23.0%	105%	520	130	122,900	1	(2,249)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	410	-2.4%	-59%	45,160	22	111,000	33	(377)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	310	-34.0%	-72%	135,570	22	88,000	(0)	(310)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	3,080	-6.1%	180%	6,370	125	88,000	0	(3,080)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,530	-4.5%	49%	9,900	47	88,000	0	(2,530)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,380	-7.4%	40%	12,540	29	88,000	0	(2,380)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	4,450	-2.6%	201%	7,700	116	88,000	13	(4,437)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,860	19.2%	69%	93,270	130	88,000	0	(1,860)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,150	-3.3%	617%	2,740	71	66,800	40,908	758	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,200	-2.3%	424%	11,460	47	66,800	14,951	(249)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,560	0.1%	456%	2,740	15	66,800	15,666	106	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,100	-1.2%	496%	30,770	81	66,800	15,237	(863)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	11,850	-4.1%	374%	7,170	99	66,800	6,029	(5,821)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	1,400	190	-5.0%	-86%	47,830	7	29,500	(0)	(190)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	460	-11.5%	-69%	19,620	22	29,500	0	(460)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,390	-3.3%	48%	21,350	71	29,500	2,259	(5,131)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	3,100	-4.6%	158%	10,640	125	29,500	51	(3,049)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,450	-2.0%	36%	31,520	47	29,500	90	(2,360)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	3,070	-1.0%	136%	40,140	81	29,500	54	(3,016)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	4,580	-0.4%	53%	13,590	85	29,500	21	(4,559)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">TCM</a>	(New) HOSE	87,500	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
<a href="#">STK</a>	(New) HOSE	31,900	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
<a href="#">MSN</a>	(New) HOSE	113,600	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
<a href="#">NVL</a>	(New) HOSE	141,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
<a href="#">VGG</a>	(New) UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	36,900	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
<a href="#">KDH</a>	HOSE	36,500	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	99,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
<a href="#">ACB</a>	HOSE	37,400	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
<a href="#">TCB</a>	HOSE	50,200	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
<a href="#">GEG</a>	HOSE	15,650	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	56,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	88,000	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	52,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	96,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	99,300	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	66,600	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FPT</a>	HOSE	95,500	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
<a href="#">VGS</a>	HNX	20,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
<a href="#">SMC</a>	HOSE	39,500	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	138,500	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
<a href="#">VHC</a>	HOSE	37,800	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a>	UPCOM	69,300	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
<a href="#">ANV</a>	HOSE	24,200	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a>	HOSE	58,400	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	54,400	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">SBT</a>	HOSE	19,300	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	34,500	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
<a href="#">FMC</a>	HOSE	32,100	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
<a href="#">GVR</a>	HOSE	24,700	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
<a href="#">QNS</a>	UPCOM	38,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
<a href="#">VRE</a>	HOSE	29,500	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	150,000	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	80,800	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	50,100	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
<a href="#">GMD</a>	HOSE	38,800	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
<a href="#">TNG</a>	HOSE	19,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
<a href="#">GIL</a>	HOSE	62,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	14,600	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
<a href="#">GTN</a>	HOSE	16,650	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	71,100	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	24,300	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VHM</a>	HOSE	102,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
<a href="#">SAB</a>	HOSE	152,100	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>	HOSE	39,300	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>	HOSE	50,400	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	72,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
<a href="#">POW</a>	HOSE	11,450	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.  
 \*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.